TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang;

2. Bà Quách Thị Bích Ngà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 663/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bạch H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số đường L, Phường B, Quận MM, Thành phố H; (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1972; thường trú: Số đường HB, Phường M, Quận MM, Thành phố H; địa chỉ: Số đường L, Phường B, Quận MM, Thành phố H; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Thị Bạch H trình bày:

Bà H và ông Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1994, đến năm 2006 thì hai bên mới thực hiện việc đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 222, quyển số 02/2006 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM, Thành phố H cấp ngày 28/12/2006.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc và hòa thuận, tuy có những mâu thuẫn và bất hòa nhỏ nhưng hai bên đều đã trải qua và giữ được hạnh phúc gia đình. Về sau, ông Đ có tật xấu là cờ bạc, cứ gây nợ nần rồi bỏ đi, để mặc bà H ở lại gánh vác việc trả nợ. Việc nợ nần do cờ bạc của ông Đ gần nhất là vào

khoảng giữa năm 2018, ông Đ lại gây nợ cờ bạc rồi bỏ đi, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã hơn trước, ông Đ thường xuyên về nhà la lối, đòi tiền, kiếm cớ gây chuyện, đập phá đồ đạc trong nhà. Những lần xảy ra sự việc Công an phường có mời các bên lên làm việc nhưng chỉ nói mấy câu rồi cho các bên ra về mà không lập thành biên bản gì. Ông Đ lại thường xuyên đe dọa đánh, dọa giết … nên bà H lo sợ xảy ra chuyện với bản thân thì không ai gánh vác gia đình. Trong khoảng thời gian gần 01 năm trở lại đây, ông Đ không tiền về để lo cho gia đình khiến hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn. Ngoài ra, ông Đ còn có tính hay ghen tuông, thường xuyên chửi bới, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự của bà H. Ông Đ không tìm cách hàn gắn tình cảm gia đình mà còn dọa đánh, dọa giết khiến hai bên càng mâu thuẫn trầm trọng. Mâu thuẫn giữa hai bên kéo dài, hai bên không ai nhường nhịn ai. bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ. Nay nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với ông Đ để hai bên sớm ổn định tinh thần lo cho cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Minh T (Nam), sinh ngày 04/02/1998 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân với bà Trần Thị Bạch H đúng như lời bà H đã trình bày.

Ông Đ thừa nhận trước đây có cờ bạc gây nợ nần để bà H và con phải lo lắng. Khi nợ nần nhiều, ông Đ có bỏ đi để bà H ở lại, nhưng trong thời gian đó ông Đ cũng cố gắng dàn xếp với các chủ nợ thư thả thời gian để ông Đ có thể đi làm trả nợ. Nay ông Đ đã ăn năn hối cải, không gây thêm nợ mới và đang thu xếp trả những khoản nợ cũ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những lời lẽ to tiếng, cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau là chuyện bình thường, gia đình nào cũng có những lúc bất hòa như thế. Chỉ cần bà H thu xếp được và cho ông Đ cơ hội thì ông Đ sẽ lo lắng làm ăn, trả hết nợ và làm lại từ đầu được.

Ông Đ cho rằng những lúc hai bên mâu thuẫn, cãi nhau là do ông Đ về nhà mà không thấy bà H ở nhà, gọi điện cho bà H thì bà H không nghe máy, ông Đ muốn quan hệ vợ chồng thì bà H không chịu … khiến cho ông Đ nghi ngờ bà H không chung thủy, có người đàn ông khác ở bên ngoài nên mới bỏ bê gia đình, không quan tâm đến ông Đ. Khi hỏi đến thì bà H không trả lời chính đáng nên ông Đ có nóng giận đập tay vào tường, dằn mạnh đồ đạc, bóp cổ bà H… Ông Đ có nói nếu gặp bà H có quan hệ với người khác hoặc chỉ cần thấy đi với người đàn ông khác bên ngoài sẽ giết chết hoặc tạt axit bà H.

Tuy nhiên sau đó ông Đ nhận thấy mình có nóng giận mất khôn dẫn đến sứt mẻ tình cảm vợ chồng. Nay ông đã hối cải nên rất muốn hàn gắn tình cảm với bà H nhưng bà H không đồng ý. Hiện vợ chồng ông bà đã không còn sống chung với nhau nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông Đ mong muốn được hòa giải đoàn tụ với bà H.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà H, ông Đ sẽ tự thỏa thuận được với bà H về tài sản chung.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Minh T (Nam), sinh ngày 04/02/1998 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có ý kiến trình bày: Ông xác định có mâu thuẫn đúng như lời trình bày của bà H. Ông vẫn còn tình cảm tuy nhiên nếu bà H thỏa thuận về việc chia tài sản với nhau thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Đối với việc giải quyết về chia tài sản chung ông Đ sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông Đ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào nội dung tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bạch H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Phạm Văn Đ đang cư trú tại Quận 11, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Trần Thị Bạch H và ông Phạm Văn Đ chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận MM, Thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, ông Đ thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần, ghen tuông vô cớ, dọa đánh, dọa giết, dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự của bà H nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ. Bị đơn – ông Đ cũng thừa nhận lúc nóng giận có dùng những lời lẽ to tiếng, đe dọa, xúc phạm danh dự lẫn

nhau, xô xát. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bạch H xin ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Minh T (Nam), sinh ngày 04/02/1998 đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị Bạch H có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ kiện khác tại Tòa án.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Bạch H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bạch H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bạch H được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

Về con chung: Phạm Minh T (Nam), sinh ngày 04/02/1998 đã thành niên, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bạch H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0009503 ngày 11/12/2018 tại Chi

cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, Quận MM, Tp. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoài